

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT

Ngày 16/01/2019.

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Ông Ong Thân Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 24/12/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang

-Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 19/11/2010 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị về nhà anh T làm dâu ngay, ở chung với bố mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con và thường hay ghen tuông vô lý. Chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn xảy ra, anh T có đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2017. Vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay, không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình có tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 21/6/2011 và Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2012. Hiện nay hai con chung đang ở cùng anh T tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi một trong hai con chung của vợ chồng. Chị không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Con chung của chị là cháu Trần Thị Huyền T có nguyện vọng được ở với anh T thì chị cũng đồng ý và chị có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Trần Văn T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay nghề nghiệp của chị là nhân viên Công ty TNHH Công nghệ Lens Việt Nam, thu nhập ổn định, thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất, công sức: Chị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 19/11/2010 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị N về nhà anh làm dâu ngay, sống chung cùng bố mẹ anh, không có thời gian nào vợ chồng ra ở riêng. Năm 2014, anh đi xuất khẩu lao động ở Singapore đến năm 2015 thì chị N cũng sang cùng anh. Cuộc sống vợ chồng trong thời gian chung sống vẫn hạnh phúc, bình thường đến khi chị N nói với anh muốn đi làm ăn ở Đài Loan nhưng anh không đồng ý và chị N cũng không xin phép, thông báo gì với bố mẹ anh. Đến ngày 20/6/2017, chị N tự ý bỏ đi. Anh có gọi điện khuyên chị N về đoàn tụ nhưng

không thành. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ 20/6/2017 đến nay. Chị N không quan tâm gì đến gia đình, chồng con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 21/6/2011 và Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2012. Hiện nay hai con chung đang ở cùng anh tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con chung của vợ chồng. Anh không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay, nghề nghiệp của anh là lao động tự do. Thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/1 tháng. Thu nhập ổn định. Ngoài ra, anh còn làm ruộng tại nhà.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất, công sức: Anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã áp dụng Khoản 1 điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 57, 58, 82, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2012. Giao anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 21/6/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh T thực hiện quyền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 bị đơn anh Trần Văn T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung không đồng ý cho chị Nguyễn Thị N được nuôi con chung là Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2012. Anh Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử cho anh được nuôi cả hai con chung. Do chị N không đủ tư cách, đạo đức nuôi con chung vì đã bỏ đi mấy năm không chăm sóc hai con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Trần Văn T không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Trần Văn T trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm giao con chung là cháu T cho chị N nuôi dưỡng vì hiện nay cháu đang học lớp 1 gần nhà, đang quen bạn, quen lớp, quen thầy về nhà chị N phải chuyển trường,

không ai chăm sóc vì chị N đi làm Công ty, bố mẹ già, ai là người đưa đón con anh đi học. Điều kiện nhà anh không thiếu gì cả. Hai con đang ở cùng ông bà, bố từ bé. Hiện anh đang bán hoa quả và làm ruộng ở nhà thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Đề nghị Tòa xem xét giao hai con chung cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị không đồng ý kháng cáo và trình bày của anh T. Hiện nay, chị đi làm Công ty nhưng làm giờ hành chính, không phải làm ca, Công ty cách nhà chị 1 km, thu nhập hàng tháng của chị khoảng 10,5 triệu. Trường học cách nhà 5 mét vì đây là khu công nghiệp nên rất phát triển đầy đủ điều kiện, ngoài ra chị ở cùng bố mẹ, bố mẹ chị là cán bộ hưu có lương hiện ở nhà chỉ chăm sóc vườn nên có thời gian chăm sóc con giúp chị, chị được nuôi con và tạo điều kiện cho anh T thăm nom con, gia đình chị cách gia đình anh T không xa nên chị vẫn thăm con và cho các con gặp nhau thường xuyên. Chị xác định chị có điều kiện nuôi con tốt hơn nhiều người. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử. Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Bản án sơ thẩm đã xử cho chị Nguyễn Thị được ly hôn anh Trần Văn T. Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2].Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2012. Hiện nay hai con chung đang ở cùng anh tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Bản án sơ thẩm đã giao chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn T;

Giao anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Huyền T. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh T kháng cáo không đồng ý để cho chị N nuôi cháu Trần Văn T, anh đề nghị được nuôi cả hai con chung.

Xét kháng cáo của anh Trần Văn T. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa anh T trình bày chị N không có đủ điều kiện về thời gian để chăm sóc nuôi con, không đủ tư cách đạo đức nuôi con vì đã bỏ đi nhiều năm không chăm sóc con nhưng lại không đưa ra được căn cứ chứng minh. Việc chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ là do vợ chồng mâu thuẫn anh T có đánh đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2017 chứ không phải tự chị bỏ đi. Mặt khác, xét về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của hai bên thì thấy cả anh T và chị N đều có công việc thu nhập và nơi cư trú ổn định, có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là như nhau. Do vậy, Bản sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện của các bên và nguyện vọng của cháu T để giao cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn T; giao anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Huyền T là có căn cứ. Nên áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không có chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Trần Văn T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung.

Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2012. Giao anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con

chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 21/6/2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra.

Chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh T thực hiện quyền này.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/005192 ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã H, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, Tòa GD.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

Các thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ong Thân Thắng Nguyễn Thị Kim Dung

Hoàng Thị Thu Hiền

